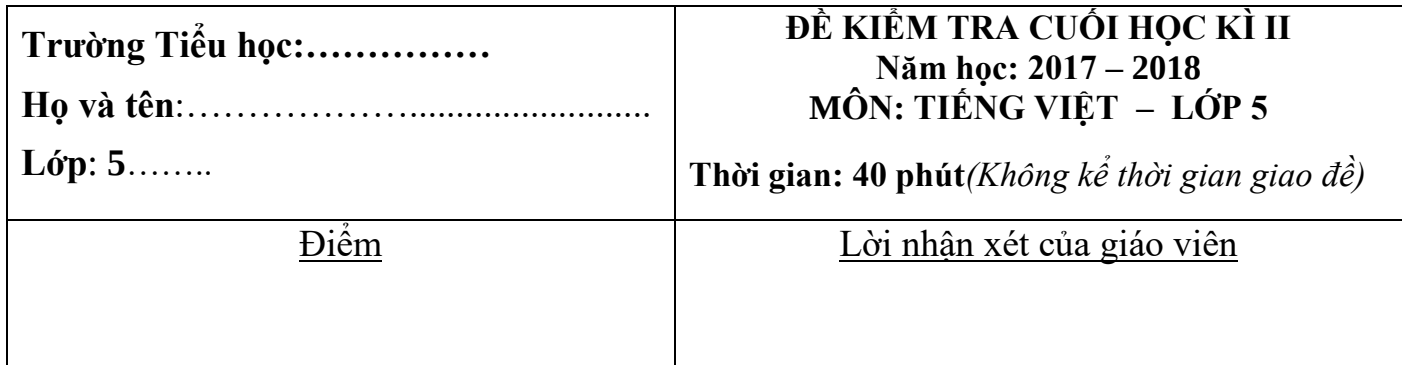




I. Phần đọc hiểu: Đọc thầm mẫu chuyện sau:

Tôi được tặng một chiếc xe đạp rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần đạp xe ra công viên dạo chơi, có một cậu bé cứ quần quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ.

- Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang ước điều gì rồi, cậu ấy hẳn đang ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói của cậu thật bất ngờ đối với tôi.

- (Đăn Clát)

Câu 1: Nhân vật "tôi" trong câu chuyện có chuyện gì vui?

- Câu 2: Điều gì khiến nhân vật "tôi" tự hào và mãn nguyện?**

- Câu 3: Xác định *chủ ngữ* và *vị ngữ* trong câu:**

- [illegible]



a. Ước có một người anh để tặng mình xe đạp
b. Ước có một chiếc xe đạp đẹp
c. Ước được đi một vòng trên chiếc xe đạp đẹp

- Ước trở thành người anh biết mua xe đạp tặng em.
- Ước trở thành người anh yêu thương quan tâm đến em và có khả năng giúp đỡ em mình.
- Ước trở thành người anh được em trai yêu mến.

- Nhân vật "tôi" được anh tặng cho một chiếc xe đạp rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình.
- Cậu bé quyết tâm trở thành một người anh có khả năng cho em mình những gì cần thiết.
- Cậu bé có một người em tàn tật.

[illegible]

a. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.

b. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ

c. Ngăn cách các vế trong câu ghép

[illegible][illegible]



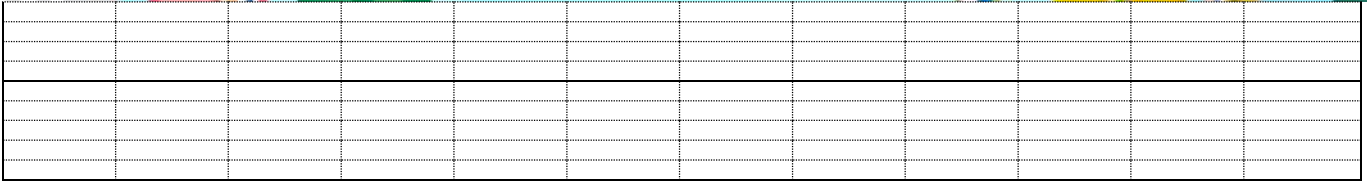
ĐỀ số 2

Một người anh như thế

(Đăn Clát)

- Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm.

[illegible]



a. Ước có một chiếc xe đạp đẹp b. Ước được đi một vòng trên chiếc xe đạp đẹp

c. Ước có một người anh để tặng mình xe đạp

- Ước trở thành người anh yêu thương quan tâm đến em và có khả năng giúp đỡ em mình.
- Ước trở thành người anh được em trai yêu mến.
- Ước trở thành người anh biết mua xe đạp tặng em.

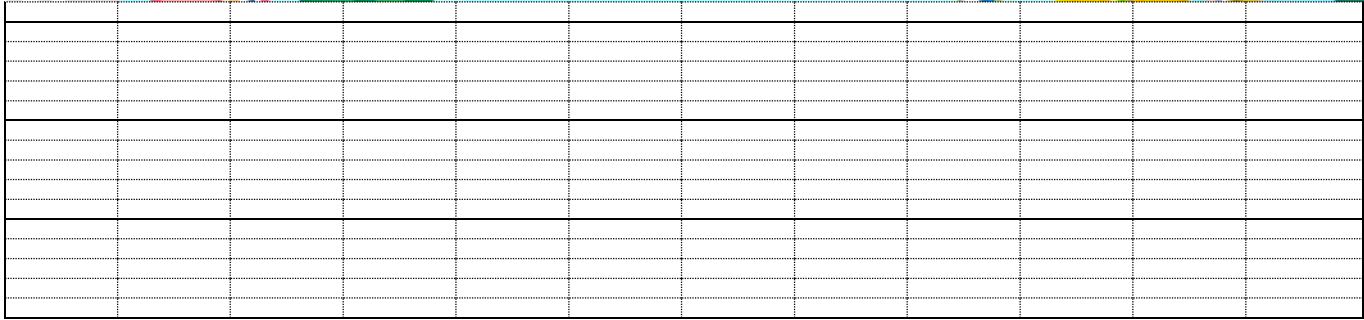
- Nhân vật "tôi" được anh tặng cho một chiếc xe đạp rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình.
- Cậu bé có một người em tàn tật.
- Cậu bé quyết tâm trở thành một người anh có khả năng cho em mình những gì cần thiết.

[illegible]

a. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ b. Ngăn cách các vế trong câu ghép

c. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.

[illegible][illegible]



1. Chính tả: (Nghe-viết) (15-20 phút).(2 điểm)

2. Tập làm văn: (8 điểm)

Đề bài: Hãy tả một ngày mới bắt đầu trên quê em



III. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC THÀNH TIẾNG

(Đọc và trả lời câu hỏi): **3 điểm**

Học sinh bốc thăm đọc một đoạn văn khoảng 100 tiếng/phút và trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong các bài tập đọc sau:

Bốc thăm rồi đọc một trong các đoạn sau:

1/ Bài: **Một vụ đắm tàu** TV 5/108

Đoạn: Từ đầu ... đến băng bó cho bạn

- *Nêu hoàn cảnh và mục đích chuyến đi của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta?*

2/ Bài : **Con gái** TV5 tập 2/ 112

Đoạn : Mẹ mới sinh em bé đến .. tức ghê

- *Những chi tiết nào chứng tỏ Mơ không thua gì mấy bạn trai?*

3/ Bài : **Tà áo dài Việt Nam** TV5 tập 2/ 122

Đoạn : Từ những năm 30 ... đến hết.

- *Vì sao áo dài được coi là biểu tượng y phục truyền thống của Việt Nam?*

4/ Bài **Út Vịnh** TV5 tập 2/ 138

Đoạn: Một buổi chiều ... nói không nên lời

- *Út Vịnh đã có hành động gì để cứu hai em nhỏ đang chơi trên đường tàu?*

5/ Bài: **Công việc đầu tiên** TV 5 tập 2/

Đoạn: Từ đầu đến..giắt trên lưng quần

- *Công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì?*



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ I

I. Phần đọc hiểu: (7 điểm)

Câu	1	2	4	5	6	8
Đáp án	C	B	A	B	B	A
Số điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Câu 3: (1đ) *Chủ ngữ*: Cậu ấy. - *Vị ngữ*: nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm.

Câu 7: (1đ) Tôi, bạn, tớ, anh, em.

Câu 9: (1đ) Của, ra, với, và

Câu 10: (1đ):

Cậu là một người anh rất yêu thương em trai của mình. Cậu có một người em trai nhỏ bị tàn tật đang ngồi đợi người anh của mình trên chiếc ghế đá, lòng yêu thương em trai của cậu thể hiện rõ trong lời hứa đầy quyết tâm " Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn, em nhé".

II. Chính tả (2 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, đều, đẹp, đúng mẫu chữ quy định, trình bày đúng đoạn văn: 2 điểm

- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định) trừ 0,25 điểm. Nếu lỗi chính tả lặp lại nhiều lần trong bài viết, chỉ tính một lỗi; thiếu, thừa chữ: (3 chữ trừ 0,25 điểm).

- Chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, mẫu chữ hoặc trình bày bản, trừ 0,25 điểm toàn bài.

III. Tập làm văn (8 điểm)

1. Yêu cầu cần đạt:

- Viết được bài văn tả đồ vật (đúng chủ đề)



- Độ dài bài viết khoảng 20-25 câu.
- Bố cục rõ ràng, cân đối, chặt chẽ.
- Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.
- Chữ viết rõ ràng; trình bày bài viết sạch, đẹp.
- Bài viết thể hiện cảm xúc.
- Nội dung bài văn thể hiện được các ý cơ bản sau:

a) Phần Mở bài: (1 điểm)

- Giới thiệu được cảnh em sẽ tả

b) Phần thân bài: (6 điểm)

- Tả bao quát cảnh vật và nêu rõ được điểm đặc sắc nhất.
- Tả từng bộ phận của cảnh hoặc sự thay đổi của cảnh theo thời gian.

c) Phần kết bài (1 điểm)

- Nêu được cảm xúc của em với cảnh được miêu tả.

2. Đánh giá cho điểm:

- Bài làm đạt được các yêu cầu trên (Lưu ý: Học sinh biết sử dụng các từ gợi tả, gợi cảm, hình ảnh, so sánh, từ láy... để nói lên cảm xúc của bản thân khi tả.
- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt, về chữ viết, dấu câu ... có thể cho các mức điểm giảm dần từ 2,5 điểm đến 0,5 điểm.

Lưu ý:

- Điểm kiểm tra đọc thành tiếng, đọc hiểu, chính tả, tập làm văn nếu là số thập phân thì giữ nguyên không làm tròn.
- Chỉ làm tròn một lần khi cộng điểm hai phần kiểm tra Đọc và Viết thành điểm môn Tiếng Việt.



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ II

I. Phần đọc hiểu: (7 điểm)

Câu	1	2	4	5	6	8
Đáp án	B	A	C	A	C	C
Số điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Cu 3: (1đ) *Chủ ngữ*: Cậu ấy. - *Vị ngữ*: nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm.

Câu 7: (1đ) Tôi, bạn, tớ, anh, em.

Câu 9: (1đ) Của, ra, với, và

Câu 10: (1đ):

Cậu là một người anh rất yêu thương em trai của mình. Cậu có một người em trai nhỏ bị tàn tật đang ngồi đợi người anh của mình trên chiếc ghế đá, lòng yêu thương em trai của cậu thể hiện rõ trong lời hứa đầy quyết tâm " Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn, em nhé".

II. Chính tả (2 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, đều, đẹp, đúng mẫu chữ quy định, trình bày đúng đoạn văn: 2 điểm

- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định) trừ 0,25 điểm. Nếu lỗi chính tả lặp lại nhiều lần trong bài viết, chỉ tính một lỗi; thiếu, thừa chữ: (3 chữ trừ 0,25 điểm).

- Chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, mẫu chữ hoặc trình bày bẩn, trừ 0,25 điểm to àn bài.

III. Tập làm văn (8 điểm)

1. Yêu cầu cần đạt:



- Viết được bài văn tả đồ vật (đúng chủ đề)
- Độ dài bài viết khoảng 20-25 câu.
- Bố cục rõ ràng, cân đối, chặt chẽ.
- Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.
- Chữ viết rõ ràng; trình bày bài viết sạch, đẹp.
- Bài viết thể hiện cảm xúc.
- Nội dung bài văn thể hiện được các ý cơ bản sau:

a) Phần Mở bài: (1 điểm)

- Giới thiệu được cảnh em sẽ tả

b) Phần thân bài: (6 điểm)

- Tả bao quát cảnh vật và nêu rõ được điểm đặc sắc nhất.
- Tả từng bộ phận của cảnh hoặc sự thay đổi của cảnh theo thời gian.

c) Phần kết bài (1 điểm)

- Nêu được cảm xúc của em với cảnh được miêu tả.

2. Đánh giá cho điểm:

- Điểm 3: Bài làm đạt được các yêu cầu trên (Lưu ý: Học sinh biết sử dụng các từ gợi tả, gợi cảm, hình ảnh, so sánh, từ láy... để nói lên cảm xúc của bản thân khi tả.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt, về chữ viết, dấu câu ... có thể cho các mức điểm giảm dần từ 2,5 điểm đến 0,5 điểm.

Lưu ý:

- Điểm kiểm tra đọc thành tiếng, đọc hiểu, chính tả, tập làm văn nếu là số thập phân thì giữ nguyên không làm tròn.

- Chỉ làm tròn một lần khi cộng điểm hai phần kiểm tra Đọc và Viết thành điểm môn Tiếng Việt.



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - MÔN TIẾNG VIỆT - LỚP 5

Mạch kiến thức, kĩ năng		Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1. Đọc thành tiếng		Số câu										
		Số điểm										
2. Đọc hiểu – KTTV	a) Đọc hiểu	Số câu	2		2		1		1		6	
		Số điểm	1		1		0,5		1		3,5	
		Câu số	1, 2		4,5		6		10			
	b) KTTV	Số câu		1		1		1		1		4
		Số điểm		1		1		0,5		1		3,5
		Câu số		3		7		8		9		
3. Viết	Chính tả	Số câu										
		Số điểm										
	Tập làm văn	Số câu										
		Số điểm										
Tổng		Số câu	2	1	2	1	1	1	1	1	6	4
		Số điểm	1	1	1	1	0,5	0,5	1	1	3,5	3,5



Đề thi học kì 2 môn Tiếng Việt lớp 5 - Đề 3

Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh.

Nội dung kiểm tra: Các bài đã học từ tuần 19 đến tuần 34, giáo viên ghi tên bài, số trang vào phiếu, gọi học sinh lên bốc thăm và đọc thành tiếng. Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, thơ khoảng 100 tiếng/phút (trong bài bốc thăm được) sau đó trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

a. Đọc thầm bài văn sau:

ÚT VỊNH

Nhà Út Vịnh ở ngay bên đường sắt. Mấy năm nay, đoạn đường này thường có sự cố. Lúc thì đá tảng nằm chềnh ềnh trên đường tàu chạy, lúc thì ai đó tháo cả ốc gắn các thanh ray. Lắm khi, trẻ chăn trâu còn ném đá lên tàu.

Tháng trước, trường của Út Vịnh đã phát động phong trào *Em yêu đường sắt quê em*. Học sinh cam kết không chơi trên đường tàu, không ném đá lên tàu và đường tàu, cùng nhau bảo vệ an toàn cho những chuyến tàu qua. Vịnh nhận việc khó nhất là thuyết phục Sơn - một bạn rất nghịch, thường chạy trên đường tàu thả diều. Thuyết phục mãi, Sơn mới hiểu ra và hứa không chơi đại như vậy nữa.

Một buổi chiều đẹp trời, gió từ sông Cái thổi vào mát rượi. Vịnh đang ngồi học bài, bỗng nghe thấy tiếng còi tàu vang lên từng hồi dài như giục giã. Chưa bao giờ tiếng còi tàu lại kéo dài như vậy. Thấy lạ, Vịnh nhìn ra đường tàu. Thì ra hai cô bé Hoa và Lan đang ngồi chơi chuyền thẻ trên đó. Vịnh lao ra như tên bắn, la lớn :

- Hoa, Lan, tàu hỏa đến !

Nghe tiếng la, bé Hoa giật mình, ngã lăn khỏi đường tàu, còn bé Lan đứng ngây người, khóc thét.

Đoàn tàu vừa réo còi vừa ầm ầm lao tới. Không chút do dự, Vịnh nhào tới ôm Lan lăn xuống mép ruộng, cứu sống cô bé trước cái chết trong gang tấc.

Biết tin, cha mẹ Lan chạy đến. Cả hai cô chú ôm chầm lấy Vịnh, xúc động không nói nên lời.

Theo TÔ PHƯƠNG



Dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng khoanh tròn và hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1: Đoạn đường sắt gần nhà Út Vịnh mấy năm nay thường có những sự cố gì ? (0,5 điểm)

- A. Đoạn đường sắt gần nhà Út Vịnh mấy năm nay thường có những sự cố.
- B. Lúc thì tảng đá nằm chênh ềnh trên đường, lúc thì tháo cả ốc gắn các thanh ray.
- C. Nhiều khi bọn trẻ chặn trâu còn ném đá lên tàu khi tàu chạy qua.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 2: Út Vịnh đã làm gì để thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an toàn đường sắt ? (0,5 điểm)

- A. Thuyết phục Sơn - một bạn thường chạy thả điều trên đường tàu.
- B. Đã thuyết phục bạn này không thả điều trên đường tàu nữa.
- C. Cả hai ý trên đều sai.
- D. Cả hai ý trên đều đúng.

Câu 3: Khi nghe thấy tiếng còi tàu vang lên từng hồi giục giã, Út Vịnh nhìn ra đường sắt và đã thấy điều gì ? (0,5 điểm)

- A. Thấy Hoa và Lan đang ngồi chơi chuyền thẻ trên đường tàu.
- B. Thấy tàu đang chạy qua trên đường trước nhà Út Vịnh.
- C. Thấy tàu đang đỗ lại trên đường trước nhà Út Vịnh.
- D. Thấy hai bạn nhỏ đứng trong nhà nhìn tàu chạy qua trên đường tàu.

Câu 4: Út Vịnh đã hành động như thế nào để cứu hai em nhỏ đang chơi trên đường tàu ? (0,5 điểm)

- A. Hai bạn nhỏ đang chơi trên đường tàu, Vịnh lao ra khỏi nhà như tên bắn, la lớn.
- B. Hai bạn nhỏ đang chơi trên đường tàu, Vịnh chạy ra khỏi nhà chặn tàu lại.
- C. Hai bạn nhỏ đang chơi trên đường tàu, Vịnh khóc và la lớn.
- D. Hai bạn nhỏ đang chơi trên đường tàu, Vịnh cùng chơi với hai bạn nhỏ.

Câu 5: Em học tập được ở Út Vịnh điều gì ? (0,5 điểm)

- A. Yêu hai bạn nhỏ quê em và đường sắt.
- B. Yêu hai bạn nhỏ quê em.
- C. Yêu đường sắt quê em.
- D. Ý thức trách nhiệm, tôn trọng quy định về an toàn giao thông.

Câu 6: Ý nghĩa của câu chuyện này là : (0,5 điểm)

- A. Ca ngợi Út Vịnh có ý thức của một chủ nhân tương lai.



- B. Thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an toàn đường sắt.
C. Dũng cảm cứu em nhỏ.
D. Tất cả các ý trên.

Câu 7: Câu “Hoa, Lan, tàu hỏa đến !” (0,5 điểm)

- A. Câu cầu khiến. B. Câu hỏi.
C. Câu cảm. D. Câu kể.

Câu 8: Dấu phẩy trong câu: “Mấy năm nay, đoạn đường này thường có sự cố.” có tác dụng gì ? (0,5 điểm)

- A. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
B. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.
C. Ngăn cách các vế trong câu ghép.
D. Ngăn cách các vế trong câu đơn.

Câu 9: Bác Hồ đã khen tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng, em hãy cho biết tám chữ đó là gì ? (2 điểm)

Câu 10: Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1điểm)
(ngày mai; đất nước)

Trẻ em là tương lai của..... Trẻ em hôm nay, thế giới.....;

Phòng GD&ĐT Cái Nước
Trường tiểu học Trần Thới 2
Họ và Tên:.....
Lớp : 5



Thứ....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

Môn : Tiếng việt (bài viết)

Thời gian : 40 Phút

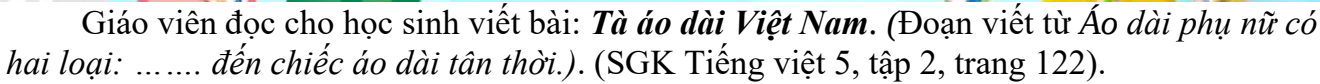
Năm học : 2017 – 2018

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của giáo viên</u>

ĐỀ BÀI

Kiểm tra viết: (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)



2. Tập làm văn: (8 điểm) (25 phút)



HƯỚNG DẪN CHẤM: LỚP 5



Môn: Tiếng việt

A – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Đánh giá, cho điểm. Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào những yêu cầu sau:

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu (không quá 1 phút): 0,5 điểm
(Đọc từ trên 1 phút – 2 phút: 0,25 điểm; đọc quá 2 phút: 0 điểm)
- Đọc đúng tiếng, đúng từ, trôi chảy, lưu loát: 1 điểm
(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai 5 tiếng trở lên: 0 điểm)
- Ngắt nghỉ hơi ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm
(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 – 3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: 0 điểm)
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm
(Trả lời chưa đầy đủ hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

* Lưu ý: Đối với những bài tập đọc thuộc thể thơ có yêu cầu học thuộc lòng, giáo viên cho học sinh đọc thuộc lòng theo yêu cầu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Học sinh dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập đạt số điểm như sau:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Ý đúng	D	D	A	C	D	D	A	B
Điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm

Câu 9: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang (2 điểm) (học sinh nêu đúng mỗi từ được 0,5 điểm)

Câu 10: Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1 điểm) (học sinh nêu đúng mỗi từ được 0,5 điểm)

Trẻ em là tương lai của đất nước. Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai.

B – Kiểm tra viết: (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)

- GV đọc cho HS viết, thời gian HS viết bài khoảng 15 phút.
- Đánh giá, cho điểm: Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ và đúng theo đoạn văn (thơ) 2 điểm.
- Học sinh viết mắc từ 2 lỗi chính tả trong bài viết (sai – lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định) : trừ 0,5 điểm.

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,... bị trừ 1 điểm toàn bài.

2. Tập làm văn: (8 điểm) (25 phút)

Đánh giá, cho điểm

- Đảm bảo được các yêu cầu sau, được 8 điểm:
 - + Học sinh viết được một bài văn thể loại theo yêu cầu của đề (có mở bài, thân bài, kết bài) một cách mạch lạc, có nội dung phù hợp theo yêu cầu của đề bài.
 - + Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.
 - + Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch đẹp.



- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm phù hợp với thực tế bài viết.

* Bài đạt điểm 8 khi học sinh có sử dụng ít nhất từ 1 đến 2 biện pháp nghệ thuật trong tả người.

Lưu ý : Học sinh viết bài tùy theo mức độ mà GV cho điểm đúng theo bài làm của học sinh.

Trong lúc ra đề cũng như hướng dẫn chấm không tránh khỏi sai sót, mong quý thầy cô chỉnh lại dùm thành thật cảm ơn

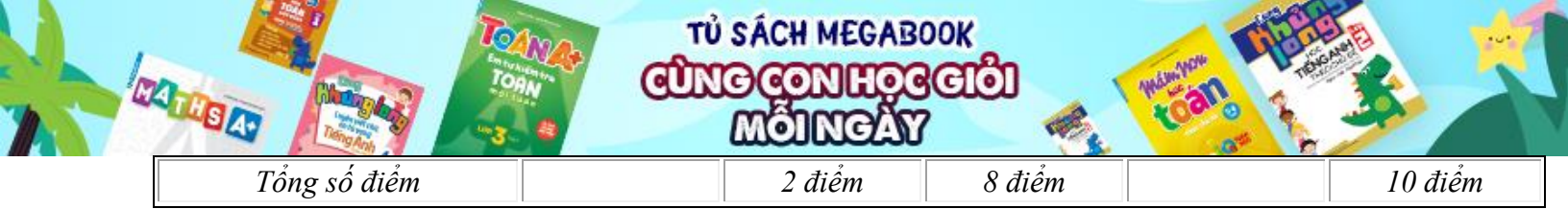
BẢNG THIẾT KẾ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG VIỆT LỚP 5 HỌC KÌ 2

Bài kiểm tra đọc

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		1	1	1		1		5	1
		Câu số	2, 5		3	1	4		6			
		Số điểm	1 đ		0,5 đ	0,5 đ	1 đ		1 đ		3,5 đ	0,5 đ
2	Kiến thức tiếng Việt	Số câu	1		1			1		1	2	2
		Câu số	7		8			10		9		
		Số điểm	0,5 đ		0,5 đ			1 đ		1 đ	1 đ	2 đ
Tổng số câu			3		2	1	1	1	1	1	7	3
Tổng số			3		3		2		2		10	
Tổng số điểm			1,5 điểm		1,5 điểm		2 điểm		2 điểm		7 điểm	

Bài kiểm tra viết

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Viết chính tả	Số câu				1						1
		Câu số				1						1
		Số điểm				2 đ						2 đ
2	Viết văn	Số câu						1				1
		Câu số						2				2
		Số điểm						8 đ				8 đ
Tổng số câu						1		1				2
Tổng số					1		1				2	



Tổng số điểm		2 điểm	8 điểm		10 điểm
--------------	--	--------	--------	--	---------

Đề thi học kì 2 môn Tiếng Việt lớp 5 - Đề 4

MA TRẬN RA ĐỀ MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI HỌC KỲ II - LỚP 5
Năm học: 2017 - 2018

Phần	Câu	Nội dung kiến thức cần kiểm tra	Điểm	Mức
ĐỌC		Kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy lưu loát đoạn văn, diễn cảm, đúng tốc độ (khoảng 120 tiếng/phút).	(3đ)	
		Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu :	(7đ)	
	1	Tìm hiểu nội dung bài đọc	(1đ)	M1
	2	Tìm hiểu nội dung bài đọc	(0,5đ)	M2



	3	Tìm hiểu nội dung bài đọc	(0,5đ)	M1
	4	Tìm hiểu nội dung bài đọc	(0,5đ)	M2
	5	Tìm hiểu nội dung bài đọc	(0,5đ)	M3
	6	Tìm hiểu nội dung bài đọc	(1đ)	M4
	7	Từ đồng nghĩa	(0,5đ)	M1
	8	Từ đồng âm	(1đ)	M3
	9	Cách nối các vế câu ghép	(0,5đ)	M3
	10	Xác định cặp quan hệ từ trong câu ghép	(1đ)	M2
VIẾT	1 Chính tả	Chính tả (nghe-viết): Kiểm tra kỹ năng nghe-viết đúng bài chính tả, trình bày sạch sẽ, đúng hình thức bài văn, đúng tốc độ viết (khoảng 100 chữ/15 phút) không mắc quá 5 lỗi trong bài.	(2đ)	
	2 TLV	Viết bài văn: Kiểm tra kỹ năng viết bài văn tả người có nội dung như đề yêu cầu.	(8đ)	

Trường: **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KỲ II - LỚP 5**

Họ và tên HS: **NĂM HỌC: 2017 - 2018**

Lớp: **MÔN: TIẾNG VIỆT**

<i>Điểm</i>	<i>Nhận xét của thầy cô</i>
	
	

I .PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 ĐIỂM)

1. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt: (7 điểm) (35 phút) Đọc bài sau và trả lời câu hỏi:

CHIM HỌA MI HÓT



Chiều nào cũng vậy, con chim họa mi ấy không biết từ phương nào bay đến đậu trong bụi tầm xuân ở vườn nhà tôi mà hát.

Hình như nó vui mừng vì suốt ngày đã được tha hồ rong ruổi bay chơi trong khắp trời mây gió, uống bao nhiêu nước suối mát lành trong khe núi. Cho nên những buổi chiều tiếng hát có khi êm đềm, có khi rộn rã, như một điệu đàn trong bóng xế mà âm thanh vang mãi giữa tĩnh mịch, tưởng như làm rung động lớp sương lạnh mờ mờ rủ xuống cỏ cây.

Hót một lúc lâu, nhạc sĩ giang hồ không tên không tuổi ấy từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lông cổ, im lặng ngủ, ngủ say sưa sau một cuộc viễn du trong bóng đêm dày.

Rồi hôm sau, khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lừng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đều đó lắng nghe. Hót xong, nó xù lông rũ hết những giọt sương rồi nhanh nhẹn chuyển từ bụi nọ sang bụi kia, tìm vài con sâu ăn lót dạ, đoạn vỗ cánh bay vút đi.

(Theo Ngọc Giao)

Câu 1: (1 điểm) Con chim họa mi từ đâu bay đến?

- | | |
|-------------------|----------------------------|
| A. Từ phương Bắc. | B. Từ phương Nam. |
| C. Từ trên rừng. | D. Không rõ từ phương nào. |

Câu 2: (0,5 điểm) Những buổi chiều, tiếng hát của chim họa mi như thế nào?

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| A. Trong trẻo, réo rắt. | B. Êm đềm, rộn rã. |
| C. Lảnh lót, ngân nga. | D. Buồn bã, nỉ non. |

Câu 3: (0,5 điểm) Chú chim họa mi được tác giả ví như ai?

- | | |
|--------------------|----------------------|
| A. Nhạc sĩ tài ba. | B. Nhạc sĩ giang hồ. |
| C. Ca sĩ tài ba. | D. Ca sĩ giang hồ. |

Câu 4: (0,5 điểm) Hãy miêu tả lại cách ngủ của chim họa mi?

.....

.....



Câu 5: (0,5 điểm) *Vì sao buổi sáng con chim họa mi lại kéo dài cổ ra mà hót?*

- A. Vì nó muốn khoe khoang giọng hót của mình.
- B. Vì nó muốn đánh thức muôn loài thức dậy.
- C. Vì nó muốn luyện cho giọng hay hơn.
- D. Vì nó muốn các bạn xa gần lắng nghe.

Câu 6: (1 điểm) *Nội dung chính của bài văn trên là gì?*

Câu 7: (0,5 điểm) *Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ **tĩnh mịch**?*

- A. im lặng
- B. thanh vắng
- C. âm thầm
- D. lạnh lẽo

Câu 8: (1 điểm) *Dòng nào dưới đây có các từ in đậm là từ nhiều nghĩa?*

- A. Nó không biết tự phương nào **bay** đến / Cậu ấy đánh **bay** mấy bát com.
- B. Nó từ từ nhắm hai **mắt** / Quả na đã mở **mắt**.
- C. Con họa mi ấy lại **hót** / Bạn Lan đang **hót** rác ở góc lớp.
- D. Nó xù lông **rũ** hết những giọt sương / Chú mèo nằm ủ **rũ** ở góc bếp.

Câu 9: (0,5 điểm) *Hai câu: “**Khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lưng chào nắng sớm. Nó kéo dài cổ ra mà hót, tựa hồ nó muốn các bạn xa gần đâu đó lắng nghe.**” được liên kết với nhau bằng cách nào?*

- A. Liên kết bằng cách lặp từ ngữ .
- B. Liên kết bằng cách thay thế từ ngữ.
- C. Liên kết bằng từ ngữ nối.

Câu 10: (1 điểm) *Gạch chân dưới bộ phận vị ngữ trong câu văn sau:*

Rồi hôm sau, khi phương đông vừa vãn bụi hồng, con họa mi ấy lại hót vang lưng chào nắng sớm.

II. PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10 ĐIỂM)



1. Chính tả nghe - viết (2 điểm, 15 – 20 phút) : Bài "**Buổi sáng ở thành phố Hồ Chí Minh**" (TV5 - Tập 2 / Tr.132). Viết đoạn: "*Mảng thành phố...òà tươi trong nắng sớm*"

2. Tập làm văn (8 điểm, 30 - 35 phút): Hãy chọn một trong các đề sau:

Đề 1: Hãy tả con vật em yêu thích

Đề 2: Hãy tả trường em trước buổi học

Đề 3: Hãy tả cô giáo (hoặc thầy giáo) đã từng dạy em và để lại cho em nhiều tình cảm tốt đẹp.



ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI HỌC KỲ II LỚP 5
Năm học: 2017 - 2018

Phần	Câu	Đáp án chi tiết	Điểm thành phần
ĐỌC (10đ)		Kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng: Đọc trôi chảy, lưu loát, diễn cảm một đoạn văn trong bài, đúng tốc độ (khoảng 120 tiếng/phút).	(3đ) Tùy mức độ HS đọc GV cho điểm 2-2,5-1..
		Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt :	(7đ)
	1	Khoanh vào đáp án A	(1đ)
	2	Khoanh vào đáp án D	(0,5đ)
	3	Khoanh vào đáp án B	(0,5đ)
	4	Họa mi từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lông cổ, im lặng ngủ, ngủ say sưa sau một cuộc viễn du trong bóng đêm dày.	(0,5đ)
	5	Khoanh vào đáp án D	(0,5đ)
	6	Miêu tả giọng hót tuyệt vời của chim họa mi	(1đ)
	7	Khoanh vào đáp án B	(0,5đ)
	8	Khoanh vào đáp án B	(1đ)
	9	Khoanh vào đáp án B	(0,5đ)
	10	VN là: lại hót vang lưng chào nắng sớm.	(1đ)



VIẾT (10đ)	1 Chính tả	Kiểm tra kỹ năng nghe-viết đúng bài chính tả, trình bày sạch sẽ, đúng hình thức bài văn, đúng tốc độ viết (khoảng 100 chữ/15 phút) không mắc quá 5 lỗi trong bài.		(2đ) GV trừ điểm theo qui định nếu HS mắc lỗi
	2 Tập làm văn	Kiểm tra kỹ năng viết bài văn tả người có nội dung như đề yêu cầu.		(8đ)
		Mở bài		(1đ)
		Thân bài	Nội dung	(1,5đ)
			Kỹ năng	(1,5đ)
			Cảm xúc	(1đ)
		Kết bài		(1đ)
		Chữ viết, chính tả		(0,5đ)
		Dùng từ, đặt câu		(0,5đ)
		Sáng tạo		(1đ)

Tham khảo chi tiết các đề thi lớp 5: <https://vndoc.com/de-thi-hoc-ki-2-lop-5>